

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2022/DS-ST
Ngày: 11 - 8 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

2. Ông Huỳnh Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chiêu Hằng - Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Ngày 11 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 183/2021/TLST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2022/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 89/2022/QĐST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2022 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2022/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Kim N, sinh năm 1969; địa chỉ Ấp 4, xã L1, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Lâm V, sinh năm 1975; địa chỉ Ấp 9, xã L2, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Nhựt Minh T, sinh năm 2002; địa chỉ Ấp 9, xã L2, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại các đơn khởi kiện ngày 25 tháng 10 năm 2021, ngày 22 tháng 12 năm 2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Kim N trình bày:

Trên cơ sở quen biết ông Nguyễn Lâm V làm nghề lái máy cắt lúa, hoàn cảnh vợ qua đời, đang nuôi 01 người con trai là anh Nguyễn Nhựt Minh T đi học tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Trong năm 2021, ông V 04 lần hỏi vay

của bà tổng cộng số tiền 37.000.000 đồng, loại vay không kỳ hạn và không lãi suất, cụ thể như sau:

- Ngày 29/3/2021, ông V vay số tiền 2.000.000 đồng dùng vào mục đích cho anh T đi học. Ông V đề nghị bà chuyển tiền vay vào tài khoản số 7308XXXX8378 đứng tên anh T mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - chi nhánh huyện B (*gọi tắt là Ngân hàng nông nghiệp chi nhánh B*). Thực hiện hợp đồng, bà đến Ngân hàng Nông nghiệp chi nhánh B nộp số tiền 2.000.000 đồng vào tài khoản của anh T theo Giấy nộp tiền ngày 29/3/2021.

- Ngày 14/4/2021, ông V vay số tiền 15.000.000 đồng dùng vào mục đích mua xe hon da. Thực hiện hợp đồng, bà giao cho ông V nhận trực tiếp số tiền 15.000.000 đồng tại nhà bà. Do tin tưởng nên hai bên không lập biên nhận và không có người chứng kiến.

- Ngày 26/4/2021, ông V vay số tiền 15.000.000 đồng dùng vào mục đích mua 100 cây vú sữa giống để trồng. Ông V đề nghị bà chuyển tiền vay vào tài khoản số 010XXXX833 đứng tên ông Vũ mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á - chi nhánh Vĩnh Long. Thực hiện hợp đồng, bà đến Ngân hàng Nông nghiệp chi nhánh B nộp số tiền 15.000.000 đồng vào tài khoản ông V, do cán bộ tín dụng thao tác nên số tiền được nộp thành 02 lần, lần 01 nộp 10.000.000 đồng, lần 02 nộp 5.000.000 đồng theo 02 Giấy nộp tiền ngày 26/4/2021.

- Ngày 10/5/2021, ông V vay tiếp số tiền 5.000.000 đồng dùng vào mục đích phụ thêm tiền mua xe. Ông V đề nghị bà chuyển tiền vay vào tài khoản số 010XXXX833 của ông V. Thực hiện hợp đồng, bà đến Ngân hàng Nông nghiệp chi nhánh B chuyển khoản số tiền 5.000.000 đồng từ tài khoản số 7308XXXX19428 của bà mở tại Ngân hàng Nông nghiệp chi nhánh huyện B vào tài khoản số 0107921833 của ông V theo Ủy nhiệm chi ngày 10/5/2021.

Sau đó, bà có nhu cầu sử dụng vốn nên yêu cầu ông V trả một phần tiền vay, ông V hứa hẹn rồi xảy ra cãi vã với bà về tổng số tiền vay.

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 14/6/2021, ông V dùng số điện thoại 035XXXX874 là số điện thoại cá nhân của ông V thường sử dụng liên lạc với bà gọi vào số điện thoại 038XXXX049 của bà để hỏi vay tiền hộ cho người khác. Để tránh cãi vã về sau đối với khoản tiền vay không có biên nhận nên bà bấm điện thoại ghi âm lại cuộc nói chuyện có nội dung: Ngoài việc ông V hỏi bà tìm người cho vay để vay hộ dùm người khác thì bà có chốt lại số tiền vay là 37.000.000 đồng được ông V thừa nhận; bà yêu cầu ông V trong thời hạn 01 tuần phải trả trước 7.000.000 đồng, còn lại 30.000.000 đồng trả sau, lúc này ông V viện cớ kẹt tiền xin khác. Nội dung ghi âm cuộc gọi được chuyển hóa thành tài liệu giấy và file ghi âm do Văn phòng Thừa phát lại H thực hiện theo Vi bằng số 03/VB-TPL.HH ngày 17/3/2022 kèm 01 USB nhãn hiệu SanDisk Ultra Flair dung lượng 16GB chứa file ghi âm cuộc gọi.

Do không còn tin tưởng ông V nên bà không cho vay và nhiều lần gọi điện thoại, cũng như tìm đến nhà ông V yêu cầu trả nợ nhưng ông V không nhận cuộc gọi và cố tình trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông V có trách nhiệm trả lại cho bà số tiền vay là 37.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi chậm trả trong thời gian vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngoài ra, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm:

Ông Nguyễn Lâm V, anh Nguyễn Nhật Minh T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà N và không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông V, anh T đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và nhận định tại mốc đơn [1] “*Về nội dung*”, Tòa án xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc loại vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

[2] Về thủ tục xét xử: Xét tại phiên tòa sơ thẩm, ông V, anh T đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần hai vắng mặt không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông V, anh T theo thủ tục chung.

- Về nội dung:

[1] Xét lời trình bày của bà N là có căn cứ, phù hợp với các Giấy nộp tiền ngày 29/3/2021, ngày 26/4/2021, Ủy nhiệm chi ngày 10/5/2021 BL: 20 - 23), Vi bằng số 03/VB-TPL.HH ngày 17/3/2022 (BL: 39 - 45), nội dung file ghi âm cuộc gọi trong USB nhãn hiệu SanDisk Ultra Flair dung lượng 16GB (BL: 46). Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, ông V không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện và lời trình bày của bà N. Đủ cơ sở kết luận, từ ngày 29/3/2021 đến ngày 10/5/2021 ông V đã 04 lần vay tài sản của bà N với tổng số tiền 37.000.000 đồng, đều là loại vay không kỳ hạn và không có lãi. Việc thỏa thuận xác lập, thực hiện quan hệ vay tài sản giữa bà N với ông V là đúng quy định tại khoản 1 Điều 117, khoản 1 Điều 119, các điều 463, 464, 467 Bộ luật Dân sự về điều kiện năng lực chủ thể, ý chí, mục đích và nội dung, hình thức

của giao dịch dân sự về hợp đồng vay tài sản, về chuyển giao quyền sở hữu tài sản vay, sử dụng tài sản vay nên hợp pháp và có hiệu lực.

[2] Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông V vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Việc bà N khởi kiện yêu cầu ông V trả nợ vay số tiền 37.000.000 đồng là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự. Xét bà N không yêu cầu ông V trả lãi chậm trả tiền trong thời gian vi phạm nghĩa vụ trả nợ là có lợi cho ông V, phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự nên được ghi nhận. Căn cứ vào Điều 357 Bộ luật Dân sự, Tòa án giải quyết kể từ ngày người được thi hành án bà N có đơn yêu cầu thi hành án số tiền 37.000.000 đồng thì người phải thi hành án ông V còn phải chịu lãi suất chậm trả tiền theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời hạn chậm trả.

[3] Từ những phân tích và điều luật viện dẫn áp dụng tại các mốc đơn [1], [2] “*Về tố tụng*” và các mốc đơn [1], [2] “*Về nội dung*”, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N giải quyết theo hướng đã nhận định như trên.

- ***Về án phí dân sự sơ thẩm:*** Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án, Tòa án giải quyết ông V phải chịu án phí số tiền 1.850.000 đồng; hoàn trả cho bà N được nhận lại số tiền 925.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 357, khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim N:

1.1. Buộc ông Nguyễn Lâm V có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Kim N số tiền 37.000.000 (Ba mươi bảy triệu) đồng.

1.2. Kể từ ngày người được thi hành án bà Nguyễn Kim N có đơn yêu cầu thi hành án số tiền 37.000.000 (Ba mươi bảy triệu) đồng thì người phải thi hành án ông Nguyễn Lâm V còn phải chịu lãi suất chậm trả tiền theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời hạn chậm trả.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc ông Nguyễn Lâm V phải nộp án phí số tiền 1.850.000 (Một triệu tám trăm năm mươi nghìn) đồng.

2.2. Hoàn trả cho bà Nguyễn Kim N được nhận lại số tiền 925.000 (Chín trăm hai mươi lăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số N0010433 ngày 29 tháng 12 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt bà Nguyễn Kim N; vắng mặt ông Nguyễn Lâm V, anh Nguyễn Nhật Minh T. Báo cho bà N có mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Riêng ông V, anh T vắng mặt thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01;
- NĐ + BĐ + NLQ: 03;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Cao Minh Tân